

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TPĐ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/7/2022

Về việc: “*Không công nhận
quan hệ vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TPĐ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Ông Lê Thành Thanh Tiến

2) Ông Nguyễn Văn Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Duy Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TPĐ;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TPĐ tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 05/2022/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 01 năm 2022, về việc: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2022 và Thông báo dời phiên tòa số: 29/TB-TA, ngày 10 tháng 6 năm 2022; giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bá D, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp TT, xã TP, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thật T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp TT, xã TP, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

(Bà D xin vắng mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bá D trình bày:***

Bà và ông Nguyễn Thật T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, không tổ chức cưới cũng không đăng ký kết hôn. Bà và ông T sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông

T uống rượu về gây chuyện đập phá tài sản, chửi thô tục và đánh bà gây thương tích. Sau khi đánh bà, ông T không quan tâm đến sức khỏe của bà. Mâu thuẫn kéo dài, ngày càng trầm trọng dẫn đến tình cảm giữa bà và ông T không còn nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T.

Bà và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Nhật Th, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2012. Bà đang nuôi Th nên yêu cầu tiếp tục nuôi Th, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Bà và ông T có tài sản chung gồm 01 xe máy hiệu Wave Alpha biển số 63B8-64947, 01 xe máy hiệu Wave Alpha biển số 63B5-47980, 01 xe máy hiệu Wave Alpha biển số 63B8-60164. Trong đơn xin ly hôn, bà yêu cầu chia tài sản chung. Đến ngày 17/3/2022, bà rút lại yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ông Nguyễn Thật T được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập đến dự phiên tòa đến lần thứ hai, hợp lệ nhưng ông T vắng mặt không có lý do.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, xét thấy:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bá D và ông Nguyễn Thật T có chung sống với nhau như vợ chồng, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống, bà D và ông T thường xuyên cãi nhau. Ông T uống rượu về chửi, đánh bà D, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn được tình cảm. Do đó, bà D yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà D và ông T là có cơ sở.

Về con chung: Bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi một con chung tên Nguyễn Nhật Th, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2012. Cháu Th đang do bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không có ý kiến trình bày về việc bà D yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện sống và sinh hoạt của cháu Th, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi con của bà D. Bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Theo đơn khởi kiện, bà D yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của bà và ông T. Ngày 17/3/2022, bà D rút lại yêu cầu chia tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết về tài sản chung. Nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Căn cứ Điều 9, 14, 53, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Bá D và ông Nguyễn Thật T. Giao Nguyễn Nhật Th, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2012 cho bà D

tiếp tục nuôi dưỡng. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung. Nợ chung không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật

Bà Nguyễn Thị Bá D yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Nguyễn Thật T nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo qui định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện TPĐ theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 06/7/2022, bà Nguyễn Thị Bá D có đơn xin vắng tại phiên tòa. Ông Nguyễn Thật T vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2, không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Thị Bá D và ông Nguyễn Thật T.

[2] Về nội dung vụ kiện

Theo đơn xin ly hôn ngày 13/12/2021, bà Nguyễn Thị Bá D yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà D và ông Nguyễn Thật T. Xét thấy, tại “*Bản tự khai*” ngày 13 tháng 12 năm 2021 của bà D, “*Đơn xin xác nhận*” ngày 14/12/2021 của bà D tại Ủy ban nhân Dân xã Tân Phú và “*Biên bản xác minh*” ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TPĐ đối với Công an xã Tân Phú; có cơ sở xác định bà D và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian sống chung, ông T thường xuyên uống rượu về gây chuyện nên bà D và ông T thường xuyên cãi nhau. Theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng....*”. Bà D và ông T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, không công nhận bà Nguyễn Thị Bá D và ông Nguyễn Thật T là vợ chồng.

Về con chung: Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai, bà D trình bày Nguyễn Nhật Th, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2012 là con chung của bà và ông T. Tuy nhiên, theo “*Giấy khai sinh (bản sao)*” của Nguyễn Nhật Th, số 227, ngày đăng ký 26/9/2013; tại phần “*Họ, chữ đệm, tên người cha:*” bỏ trống. Mặt khác, ông T không có ý kiến đối với trình bày của bà D về con chung của ông bà là Nguyễn Nhật Th. Do đó, không xác định Nguyễn Nhật Th là con chung của bà D và ông T. Khi ông T có yêu cầu Tòa án xác định Nguyễn Nhật Th là con hoặc Nguyễn Nhật

Th có yêu cầu Tòa án xác định ông T là cha, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác. Hiện nay, Nguyễn Nhật Th đang sống với bà D. Bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi Nguyễn Nhật Th nên tiếp tục giao Th cho bà D nuôi là phù hợp. Bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Theo đơn xin ly hôn, bà D yêu cầu chia tài sản chung của bà và ông T. Ngày 17/3/2022, bà D rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Đây là sự tự nguyện của bà D, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà D.

Về nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về ý kiến phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên

Xét thấy, ý kiến phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về án phí

Bà D phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Ông T không nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Về điều luật áp dụng:

- Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 7 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Nguyễn Thị Bá D.
- Không công nhận bà Nguyễn Thị Bá D và ông Nguyễn Thật T là vợ chồng.

2/ Về con:

- Bà Nguyễn Thị Bá D được tiếp tục nuôi Nguyễn Nhật Th, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2012.
- Bà Nguyễn Thị Bá D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

3/ Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Bá D.

4/ Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5/ Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Bá D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008103, ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TPĐ. Như vậy, bà D đã nộp xong án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án tổng đặt bản án hợp lệ, các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS ND H. TPĐ;
- Chi cục THA DS GCD;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI